

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HC-PT

Ngày 10-12-2025

V/v khiếu kiện hành vi hành
chính trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các thẩm phán:

1. Ông Phan Thanh Tùng;

2. Bà Hoàng Thị Thuý Lành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Văn Thị Diệu Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 04/2025/TLPT- HC ngày 27-10-2025 về việc: “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

Do bản án sơ thẩm số: 02/2025/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXPT-HC ngày 26 tháng 11 năm 2025; giữa:

Người khởi kiện: Bà Trần Thị Thu V, sinh năm 1944. Căn cước công dân số 072144000198 cấp ngày 08-11-2022. Địa chỉ: khu phố B, phường B, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Bà Ngô Thị Lệ X, sinh năm 1984. Căn cước công dân số 072184001976 cấp ngày 02-4-2024. Địa chỉ: số D, đường B, khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh. Là Luật sư thuộc Công ty L1 – Chi nhánh thành phố T, có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã B (nay là phường B), tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Bá C – Chức vụ: Chủ tịch, có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

1. Ông Nguyễn Thanh L, chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường B, tỉnh Tây Ninh; có mặt

2. Ông Trịnh Xuân T, chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường B, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Trần Thị Thu V là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện ngày 26-12-2024 của người khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Vợ chồng bà Trần Thị Thu V, ông Đỗ Văn Đ là người sử dụng đất đối với phần đất tọa lạc tại ấp B, xã B, thành phố T (N là khu phố B, phường B), tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng bà V trực tiếp quản lý sử dụng từ năm 1978, tổng diện tích khoảng 7.000 m².

Quá trình làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên, gia đình bà V được 2 lần cấp giấy:

+ Lần 1: vào ngày 08-7-1993, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00384 QSDĐ/Đ1, diện tích 2.310m², do bà Trần Thị Thu V đứng tên.

+ Lần 2: vào ngày 10-01-1995, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01167 QSDĐ/Đ1, diện tích 2.565m² do ông Đỗ Văn Đ đứng tên.

Phần diện tích còn lại cán bộ lấy lý do chưa đo đạc được nên chưa cấp, hẹn sẽ cấp bổ sung sau. Qua nhiều lần Nhà nước làm đường, hiện trạng thửa đất còn lại diện tích là 771,9 m², thửa đất số 234, tờ bản đồ số 31.

Sau nhiều lần làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa được cấp, nên ngày 09-9-2016 bà V đã gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã B, Thành phố T (cũ).

+ Ngày 16-01-2017, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B đã ban hành Quyết định số 10/QĐ-UBND bác khiếu nại của bà V.

+ Ngày 18-01-2017, bà V đã gửi đơn khiếu nại lần hai đến Ủy ban nhân dân Thành phố T.

+ Ngày 04-10-2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T đã ban hành Quyết định số 1004/QĐ-UBND bác khiếu nại lần hai của bà V.

+ Ngày 28-11-2017, bà V khởi kiện hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 10/QĐ – UBND của Ủy ban nhân dân xã B và Quyết định hành chính số 1004/QĐ – UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố T.

+ Ngày 01-8-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Bản án số 10/2018/HCST tuyên bác yêu cầu khởi kiện của bà V.

+ Ngày 14-8-2018, bà V có Đơn kháng cáo gửi đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ngày 14-02-2019, Ủy ban nhân dân Thành phố T đã ban hành Quyết định số 158/QĐ-UBND thu hồi Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 04-10-2017.

+ Ngày 29-3-2019, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B đã ban hành Quyết định số 39/QĐ-UBND thu hồi Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 16-01-2017.

+ Ngày 08-4-2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 139/2019/QĐ-PT huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án hành chính.

Bà V tiếp tục liên hệ cơ quan có thẩm quyền xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên, nhưng vẫn không được giải quyết. Nay bà V khởi kiện yêu cầu:

- Buộc Ủy ban nhân dân xã B (nay là phường B), tỉnh Tây Ninh chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất của bà V liên quan thửa đất số 234, tờ bản đồ số 31 tọa lạc khu phố B, phường B, tỉnh Tây Ninh.

- Buộc Ủy ban nhân dân xã B (nay là phường B), tỉnh Tây Ninh thực hiện ký dẫn đặc để bà V hoàn thành hồ sơ kê khai, đăng ký và yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 234, tờ bản đồ số 31 tọa lạc khu phố B, phường B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện Ủy ban nhân dân phường B trình bày:

Ủy ban nhân dân phường B không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện. Lý do: Thửa đất số 234, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường B, tỉnh Tây Ninh) là đất công do Nhà nước quản lý, đã được UBND tỉnh T giải quyết tại Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 29-11-2004, buộc ông Biện Văn C1 và bà Lê Thị Đ1 tháo dỡ nhà ở, trả lại đất để Nhà nước thực hiện việc mở đường theo quy hoạch. Sau đó, địa phương đã hỗ trợ tái định cư cho gia đình ông C1. Tháng 12-2024, gia đình bà V tự ý trồng cây trên phần đất trên.

Căn cứ Khoản 5 Điều 139 Luật Đất đai năm 2024 quy định, trường hợp bà V không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân phường B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, ông Trịnh Xuân T trình bày:

Thông nhất với ý kiến của Ủy ban nhân dân phường B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Thu V trình bày:

Vợ chồng bà Trần Thị Thu V, ông Đỗ Văn Đ là người sử dụng đất đối với phần đất tọa lạc tại ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (Nay là khu phố B, phường B, tỉnh Tây Ninh). Nguồn gốc đất là do ông bà mua lại của ông Nguyễn

Văn V1. Vợ chồng bà V trực tiếp quản lý sử dụng phần đất nêu trên từ năm 1978 cho đến nay, tổng diện tích khoảng 7.000 m².

Bà V, ông Đ làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên từ năm 1990. Đến năm 1993, được cấp giấy chứng nhận QSDĐ đối với diện tích 2.310 m²; đến năm 1995 tiếp tục được cấp đối với diện tích 2.565 m². Sau đó, bà V tiếp tục nhiều lần làm thủ tục để được cấp giấy đối với diện tích đất còn lại nhưng chưa được giải quyết. Mãi đến năm 2015, bà V yêu cầu đo đạc phần đất còn lại là thửa 234, diện tích 836,6 m² và xin được cấp giấy thì bị từ chối với lý do đây là đất công ích. Ngày 09-9-2016, Bà V khiếu nại đến các cơ quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T lần lượt bác đơn khiếu nại. Bà V khởi kiện hành chính đến Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thì bị bác yêu cầu khởi kiện. Khi kháng cáo đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B lần lượt thu hồi các quyết định do ban hành không đúng.

Ngày 08-4-2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 139/2019/QĐ-PT hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh và đình chỉ giải quyết vụ án hành chính nêu trên.

Bà V tiếp tục liên hệ cơ quan có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng vẫn không được giải quyết, cụ thể là ngày 15-10-2024, bà V đã yêu cầu Văn phòng Đ2 chi nhánh thành phố T đo đạc để bà thực hiện thủ tục cấp mới thì Ủy ban nhân dân xã B không ký dẫn đạc, cũng không giải quyết hồ sơ cho bà V. Khi gia đình bà V trồng cây như trước đây thì phía UBND xã B cho người xuống ngăn cản. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu V.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 02/2025/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, 32, 116, điểm a Khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; các Điều 99, 101, 164 của Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu V về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã B (nay là phường B), tỉnh Tây Ninh chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất của bà V liên quan thửa đất số 234, tờ bản đồ số 31 toạ lạc khu phố B, phường B, tỉnh Tây Ninh.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu V về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã B (nay là phường B), tỉnh Tây Ninh thực hiện ký dẫn đạc để bà V hoàn thành hồ sơ kê khai, đăng ký và yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 234, tờ bản đồ số 31 toạ lạc khu phố B, phường B, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01-10-2025, bà Trần Thị Thu V có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà Ngô Thị Lê X là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà V trình bày: Bà V giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà V.

Ông Nguyễn Thanh L là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà V; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày:

Về tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng Hành chính trong việc thụ lý vụ án, ban hành văn bản tố tụng đúng thẩm quyền và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự, bảo đảm đúng trình tự thủ tục, dân chủ trong xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa. Đối với những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Căn cứ khoản 4 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Do hủy bản án sơ thẩm nên không xem xét kháng cáo của bà V. Lý do, yêu cầu khởi kiện của bà V thuộc trường hợp sự việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 123 của Luật Tố tụng hành chính, thuộc trường hợp đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định điểm h khoản 1 Điều 143 của Luật Tố tụng hành chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1. Bà Trần Thị Thu V có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

1.2. Người khởi kiện bà Trần Thị Thu V; ông Lương Bá C là người đại diện hợp pháp cho người bị kiện và ông Trịnh Xuân T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện, đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt; căn cứ Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

[2] Xét về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu V yêu cầu: Buộc Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T (nay là phường B) chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất của bà V liên quan thửa đất số 234, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại ấp B, xã B, thành phố T (nay là phường B), xét thấy:

Theo người khởi kiện trình bày: Ngày 15-10-2024 bà V nộp hồ sơ yêu cầu đo đạc đối với thửa đất số 234, tờ bản đồ số 31 tại Bộ phận một cửa thuộc Văn phòng Đ2 chi nhánh thành phố T. Ngày 05-11-2024 cán bộ Văn phòng Đ2 đã đo

đặc xong. Đến ngày 10-11-2024 bà V tự liên hệ trưởng ấp ký biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất thì bị từ chối. Sau đó bà V tự liên hệ địa chính xã B để ký dẫn đặc thì không được giải quyết, nhưng không có văn bản từ chối giải quyết.

Đến ngày 04-12-2024 Ủy ban nhân dân xã B mời bà V đến làm việc và lập biên bản về việc trao đổi với bà Trần Thị Thu V nội dung liên quan đến thửa đất 234 và đề nghị bà V dừng việc tự ý trồng cây trên đất này, vì đây là đất công do Ủy ban nhân dân xã Q.

Căn cứ khoản 3, 4 Điều 3 của Luật Tổ tụng hành chính quy định, thì biên bản về việc trao đổi với bà Trần Thị Thu V nội dung liên quan đến thửa đất 234 tại ấp B ngày 04-12-2024 do Ủy ban nhân dân xã B lập chỉ là văn bản hành chính thông thường để thực hiện chức trách, nhiệm vụ công vụ được pháp luật quy định, nhằm ghi nhận sự việc bà V tự ý trồng cây trên đất công do xã quản lý và diện tích đất này bà V cũng chưa được cấp một trong các loại giấy tờ về đất theo quy định của Luật Đất đai; nên hành vi này không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

2.2. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu V yêu cầu: Buộc Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T (nay là phường B) thực hiện ký dẫn đặc để bà V hoàn thành hồ sơ kê khai, đăng ký và yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 234, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại ấp B, xã B, thành phố T (nay là phường B), xét thấy:

Theo quy định của Luật đất đai và văn bản hướng dẫn thực hiện quy định, hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất yêu cầu phải có người dẫn đặc ký tên trong hồ sơ địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đo vẽ; người dẫn đặc là cán bộ, công chức địa chính cấp xã nhưng có trường hợp Ủy ban nhân dân xã không cử và cũng không đồng ý cho người dẫn đặc ký tên nên không đo vẽ được bản đồ địa chính.

Theo quy định tại Điều 5 và khoản 2 Điều 75 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-05-2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì Văn phòng Đ2, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có thẩm quyền lập hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất. Đồng thời, theo hướng dẫn tại mục 21 của Công văn số 207 ngày 30-10-2024 của Tòa án nhân dân tối cao, có cơ sở xác định, khi lập Hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất yêu cầu phải đo vẽ bản đồ địa chính. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai không lập Hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất do không có người dẫn đặc ký tên trong hồ sơ địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đo vẽ thì người yêu cầu có quyền khởi kiện vụ án hành chính đối với hành vi hành chính không lập hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của Văn phòng đăng ký đất đai. Việc Ủy ban nhân dân cấp xã không cử cũng không đồng ý cho người dẫn đặc ký tên nên không đo vẽ được bản đồ địa chính là hành vi không thực hiện nhiệm vụ công vụ, mang tính chất nội bộ, không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

Tại khoản 1 Điều 21 và khoản 10 Điều 9 của Nghị định 101/2024/NĐ-CP ngày 29-7-2024 của Chính phủ quy định về đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai

quy định Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai là cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất; nên quy định này không thay đổi so với Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; do đó việc UBND xã B không cử cũng không đồng ý cho người dân đặc ký tên vào hồ sơ kê khai cấp giấy của bà V là hành vi hành chính mang tính chất nội bộ, không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà V thuộc trường hợp sự việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 123 của Luật Tổ tụng hành chính. Trong trường hợp này, khi xem xét thụ lý đơn khởi kiện thì cấp sơ thẩm cần ban hành Thông báo trả đơn khởi kiện, nhưng lại thụ lý, giải quyết bác yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà V là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi xem xét thụ lý vụ án; nên cấp phúc thẩm cần huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định điểm h khoản 1 Điều 143 của Luật Tổ tụng hành chính.

Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân phường B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho bà V đối với thửa đất số 234 nêu trên. Nhận thấy, yêu cầu này của bà V chưa được cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết; nên không thuộc phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 220 của Luật Tổ tụng hành chính. Trường hợp khi cơ quan có thẩm quyền có văn bản hay quyết định từ chối việc tiếp nhận, không giải quyết hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu theo yêu cầu của bà V đối với thửa đất số 234 nêu trên, thì bà V có quyền nộp đơn khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Do huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án nên không xét yêu cầu kháng cáo của bà V; và cũng không cần phải xác định lại người tham gia tố tụng; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng (theo quy định mới về phân cấp thẩm quyền chung và thẩm quyền riêng về lĩnh vực quản lý đất đai của cơ quan hành chính hai cấp gồm cấp tỉnh, thành phố và cấp xã, phường).

[3] Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 4 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính, huỷ Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2025/HC-ST ngày 16-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10, tỉnh Tây Ninh và đình chỉ giải quyết vụ án hành chính nêu trên.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị Thu V thuộc trường hợp được miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính,

1. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2025/HC-ST ngày 16-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10, tỉnh Tây Ninh và đình chỉ giải quyết vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 04/2025/TLPT- HC ngày 27-10-2025 về việc: “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai”, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Trần Thị Thu V, sinh năm 1944. Căn cước công dân số 072144000198 cấp ngày 08-11-2022. Địa chỉ: khu phố B, phường B, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Bà Ngô Thị Lệ X, sinh năm 1984. Căn cước công dân số 072184001976 cấp ngày 02-4-2024. Địa chỉ: số D, đường B, khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh. Là Luật sư thuộc Công ty L1 – Chi nhánh thành phố T.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân xã B (nay là phường B), tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Bá C – Chức vụ: Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

+ Ông Nguyễn Thanh L, chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường B, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Trịnh Xuân T, chức vụ: Phó trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường B, tỉnh Tây Ninh.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị Thu V thuộc trường hợp được miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Tòa án nhân dân Khu vực 10; tỉnh TN;
- VKSND Khu vực 10;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 10; tỉnh TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quốc Tuấn